

Thành phố T, ngày 14 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06/7/2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về việc: “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thụ lý số 37/ 2023/ TLST – KDTM ngày 16/02/2023.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Đ

Địa chỉ: Số 198 Trần Q, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình K – Phó giám đốc kiêm giám đốc khối xử lý nợ.

Đại diện tham gia tố tụng:

1. Ông Dương Văn Đ – GĐ xử lý nợ Miền Trung I

Địa chỉ: Số 373 Nguyễn Văn L, quận T, thành phố Đà Nẵng

2. Ông Nguyễn Xuân S- Chuyên viên

Địa chỉ: Số 19 Phan Chu T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

3. Ông Nguyễn Tuấn L- Chuyên viên

Địa chỉ: Số 19 Phan Chu T, phường Đ, thành phố Thanh

(Theo văn bản ủy quyền số 776/UQ - SEABANK ngày 18/01/2023 của Ngân hàng Đ).

Bị đơn: Công ty cổ phần tư vấn và xây lắp T

Địa chỉ: Số nhà 19 L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc T – Chức vụ: Giám đốc

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Quốc T, sinh năm 1978

2. Bà Mộng Thị H, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Số nhà 19 L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Cùng nơi ở: Lô 52 mặt bằng quy hoạch 530, phường Đông V, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tính đến ngày 29/06/2023 công ty T còn nợ Ngân hàng Đ số tiền 14.510.438.919 đồng (*Mười bốn tỷ, năm trăm mười triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, chín trăm mười chín đồng*), trong đó Nợ gốc là: 13.397.916.695 đồng, lãi trong hạn là: 83.835.616 đồng; lãi quá hạn là 1.023.813.036 đồng; lãi chậm trả là 4.873.572 đồng.

Công ty T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Đ số tiền 14.510.438.919 đồng (trong đó Nợ gốc là: 13.397.916.695 đồng, lãi trong hạn là: 83.835.616 đồng; lãi quá hạn là 1.023.813.036 đồng; lãi chậm trả là 4.873.572 đồng)

Cụ thể theo các kỳ như sau:

* Kỳ thứ 1: vào ngày 25/7/2023 trả số tiền gốc là 1.000.000.000đ

* Kỳ thứ 2: vào ngày 25/8/2023 trả số tiền gốc là 1.000.000.000đ

* Kỳ thứ 3: vào ngày 25/9/2023 trả số tiền gốc là 1.000.000.000đ

* Kỳ thứ 4: vào ngày 25/10/2023 trả số tiền gốc là 10.397.916.695 đồng và tiền lãi trong hạn là: 83.835.616 đồng; lãi quá hạn là 1.023.813.036; lãi chậm trả là 4.873.572 đồng, Công ty T còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết tính từ ngày 30/6/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất trong Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số REF2201700218/HĐHMTDLT ngày 20/01/2022 và phụ lục, giấy nhận nợ giữa Ngân hàng SeABank và công ty T.

Các kỳ trả nợ công ty Thành Đạt thỏa thuận trả nợ nêu trên nếu trùng vào ngày nghỉ, lễ thì trả vào ngày tiếp theo.

Đến thời hạn trả nợ Công ty T không thanh toán được hoặc không thanh toán đầy đủ số tiền các bên đã thỏa thuận từng kỳ hạn nêu trên thì được coi là bên có nghĩa vụ vi phạm điều kiện cam kết, các kỳ hạn tiếp theo không còn giá trị thì Ngân hàng Đ có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T kê biên xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi toàn bộ khoản nợ theo các hợp đồng thế chấp sau:

Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số REF2201700218/HĐTC/BDS/2 số công chứng 1531, Quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/03/2022 tại Văn phòng Công chứng T. Tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 220+221+222+223, tờ bản đồ số: 89, diện tích 244,4m² địa chỉ: SN 19 L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh

Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 259021, số vào sổ cấp GCN: CH07050/1270/QĐ-UBND do UBND thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 01/03/2016 mang tên ông Lê Quốc T.

Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số REF2201700218/HDTC/BDS/1 số công chứng 650, Quyền số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/01/2022 tại Văn phòng Công chứng T Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số Lô 52 MBQH 530, diện tích 375m² địa chỉ: Lô số 52 MBQH 530/UBND-QLĐT, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 488771, số vào sổ cấp GCN: CH 04022/184/QĐ-UBND do UBND thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 10/01/2014 mang tên ông Lê Quốc T và bà Mộng Thị H.

Về án phí: Công ty T phải chịu 61.255.219đ (Sáu mươi một triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm mười chín đồng) án phí kinh doanh sơ thẩm. Ngân hàng Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 60.924.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T theo biên lai thu số A A/2021/0002757 ngày 15/02/2023.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4.Quyết định này được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPTH
- THA TP T
- Các đương sự
- Lưu HS

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Thị Hoa